

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09-4-2019

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Tân;

Bà Phan Thị Liên.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thùy Trân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thành Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Võ Thị Kim Y**, sinh năm: 1975;

Cư trú tại: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

**2. Bị đơn: Đỗ Trọng N**, sinh năm: 1974;

Cư trú tại: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ngân hàng N; địa chỉ: Số M đường L, quận B, TP. H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc Đ – Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch- kinh doanh Ngân hàng N theo văn bản ủy quyền ngày 20/6/2018; vắng mặt.

- Phan Thị Đ, sinh năm 1947; có mặt;

- Đào Y1, sinh năm 1975; vắng mặt;

- Vợ chồng Võ Ngọc C, sinh năm 1968; Phan Thị Mỹ D, sinh năm 1976; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/02/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Võ Thị Kim Y trình bày: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tìm hiểu và kết hôn ngày 24/9/1996 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau thì đến đầu năm 2014 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bị đơn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, nhiều lần đánh nguyên đơn; gia đình hai bên và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân từ tháng 01/2018 đến nay. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không có hạnh phúc, nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 03 con chung Đỗ Văn Q, sinh ngày 25/5/1999; Đỗ Văn H, sinh ngày 27/01/2001; Đỗ Thị Trà M, sinh ngày 09/5/2007; cháu Q và H đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; cháu M hiện đang ở với nguyên đơn. Con có nguyện vọng ở với mẹ nên nguyên đơn yêu cầu được nuôi con và yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Có 01 ngôi nhà cấp 4 và các công trình phụ (01 mái chái trụ bê tông, nền xi măng, mái lợp tôn; bếp; nhà tắm; giếng; chuồng bò; trụ công) gắn liền quyền sử dụng đất 697m<sup>2</sup> thuộc thửa 1045, tờ bản đồ 108-A, tổng giá trị 284.148.000 đồng; đất rừng diện tích 2.551m<sup>2</sup> thuộc thửa 230 tờ bản đồ 02 tọa lạc tại thôn M, xã H trị giá 25.510.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu giao nhà và đất thuộc thửa 1045 cho bị đơn; bị đơn có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch ½ cho nguyên đơn; đối với đất rừng nguyên đơn yêu cầu chia hai, mỗi người nhận 1.275,5m<sup>2</sup>, nguyên đơn yêu cầu được nhận phần đất phía Đông.

Về nghĩa vụ trả nợ: Nợ vật liệu xây dựng C (của ông Đào Y1) số tiền 6.565.000 đồng; bà Phan Thị Đ 03 chỉ vàng y loại 9999; Ngân hàng N số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi. Nguyên đơn đồng ý trả khoản 3 chỉ vàng y của bà Đ; yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền 6.565.000 đồng của tiệm Vật liệu xây dựng C. Riêng khoản vay của Ngân hàng ông N đã trả nên chi đồng ý trả lại cho ông N 20.000.000 đồng.

Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn Đỗ Trọng N trình bày: thống nhất như nguyên đơn trình bày về việc kết hôn. Quá trình chung sống hai người có nhiều mâu thuẫn xảy ra và đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay nguyên đơn yêu cầu ly hôn thì bị đơn đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 03 con như nguyên đơn trình bày; ly hôn, các con đồng ý ở với bị đơn thì bị đơn nuôi, nếu nguyên đơn nuôi thì bị đơn không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung như nguyên đơn trình bày. Ly hôn, bị đơn đồng ý nhận nhà gắn liền quyền sử dụng đất và thối lại ½ giá trị chênh lệch cho nguyên đơn. Về phần đất rừng, bị đơn có ý kiến để lại cho các con, không yêu cầu chia.

Về nghĩa vụ trả nợ: Có các khoản nợ như nguyên đơn trình bày. Bị đơn chấp nhận trả khoản nợ của vật liệu xây dựng C số tiền 6.565.000 đồng. Đối với khoản nợ ngân hàng bị đơn đã trả hết nhưng nguyên đơn cũng phải có trách

nhệm trả khoản nợ này (bị đơn nhận nợ 30 triệu, nguyên đơn phải trả 20 triệu). Đối với khoản nợ của bà Phan Thị Đ giao cho nguyên đơn trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng N do ông Nguyễn Ngọc Đ đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 06/9/2016, hộ ông Đỗ Trọng N và bà Võ Thị Kim Y có vay vốn tại Ngân hàng với số tiền vay 50.000.000 đồng. Đến ngày 20/6/2018, còn nợ số tiền gốc là 50.000.000 đồng, lãi là 3.625.000 đồng. Nay ông N, bà Y ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông N và bà Y có trách nhiệm trả số nợ nói trên.

Ngày 17/10/2018, Ngân hàng N có đơn đề nghị rút yêu cầu khởi kiện vì lý do nguyên đơn và bị đơn đã trả hết nợ.

Bà Phan Thị Đ trình bày: Vào ngày 28/5/2017, bà có cho ông Đỗ Trọng N là con rể vay 03 chỉ vàng y loại 9999 không có lãi để mua máy cày. Nay bà Y và ông N ly hôn thì bà yêu cầu ông N phải trả số vàng nói trên và không yêu cầu trả lãi. Trường hợp bà Y trả nợ thay cho ông N thì bà cũng đồng ý.

Vợ chồng ông Võ Ngọc C, bà Phan Thị Mỹ D trình bày: Nguồn gốc diện tích 400m<sup>2</sup> đất ở và 1.290m<sup>2</sup> đất vườn thuộc thửa 1045 tờ bản đồ 108-A của ông Võ Hồng N, bà Lê Thị P. Ông N, bà P đã tặng cho lại cho ông, bà trong đó có phần đất đã chuyển nhượng cho ông N, bà Y. Khi nào ông N hoặc bà Y có nhu cầu tách thửa thì ông bà cũng thống nhất tạo điều kiện để tách thửa làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng. Ông, bà thống nhất diện tích đất đã đo đạc cho ông N, bà Y.

Ông Đào Y1 trình bày: Vợ chồng Y, N có mua vật liệu xây dựng của ông số tiền 22.565.000 đồng, đã trả 16.000.000 đồng, còn nợ 6.565.000 đồng.

Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về hôn nhân và nuôi con chung, thay đổi một phần yêu cầu về chia tài sản chung là thống nhất phần đất rừng để lại cho các con, không yêu cầu chia. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Đ giữ nguyên yêu cầu độc lập.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết và xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh có mặt là chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Yên vắng mặt là không thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Về nuôi con chung: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung Đỗ Thị Trà M cho nguyên đơn nuôi, bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng. Về tài sản chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao bị đơn sở hữu ngôi nhà cấp 4 và được quyền sử dụng diện tích đất 697m<sup>2</sup> và có nghĩa vụ thối lại cho nguyên đơn ½ giá trị là 142.074.000 đồng; đối với diện tích đất rừng nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất cho các con,

không yêu cầu chia nên ghi nhận. Về nghĩa vụ trả nợ: đề nghị đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N; buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho ông Đào Y1 (Vật liệu xây dựng C) số tiền 6.565.000 đồng; ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn trả cho bà Phan Thị Đ 3 chỉ vàng y loại 9999; ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn 20.000.000 đồng số tiền nợ mà bị đơn đã trả cho ngân hàng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Võ Thị Kim Y và bị đơn Đỗ Trọng N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 24/9/1996 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc thì đến năm 2014 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm; gia đình hai bên và chính quyền địa phương đã hòa giải nhưng không thành. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và bị đơn cũng có ý kiến đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Có 03 con chung Đỗ Văn Q, sinh ngày 25/5/1999; Đỗ Văn H, sinh ngày 27/01/2001; Đỗ Thị Trà M, sinh ngày 09/5/2007; cháu Q và cháu H đã trưởng thành, không có yêu cầu nên không giải quyết; cháu M hiện đang ở với nguyên đơn. Xét thấy, việc nguyên đơn yêu cầu được nuôi cháu M là đúng quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp nguyện vọng của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, mức cấp dưỡng nguyên đơn yêu cầu 1.000.000 đồng/tháng là cao vì bị đơn làm nghề nông, không có thu nhập ổn định nên chấp nhận mức cấp dưỡng 800.000 đồng/tháng.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất có tài sản chung gồm nhà cấp 4 và các công trình phụ gắn với diện tích đất 697m<sup>2</sup>, trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở và 597m<sup>2</sup> đất hàng năm khác thuộc thửa 1045 tờ bản đồ 108-A, tổng giá trị nhà và đất 284.148.000 đồng; diện tích đất rừng 2.551m<sup>2</sup> thuộc thửa 230 tờ bản đồ số 2 có giá trị 25.510.000 đồng. Đối với phần nhà ở gắn với diện tích đất 697m<sup>2</sup>, nguyên đơn yêu cầu giao nhà và đất cho bị đơn, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán lại cho ½ giá trị chênh lệch cho nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với phần đất rừng nguyên đơn thống nhất giao lại cho các con, không yêu cầu chia, bị đơn đã có ý kiến như nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không giải quyết chia tài sản chung này.

[5] Về nghĩa vụ trả nợ: Nguyên đơn tự nguyện thống nhất trả cho bà Phan Thị Đ 3 chỉ vàng y loại 9999, trả lại cho bị đơn 20.000.000 đồng nên ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

Bị đơn có ý kiến đồng ý trả cho ông Đào Y1 6.565.000 đồng nên buộc bị đơn phải trả khoản nợ này.

Ngân hàng N rút yêu cầu khởi kiện nên đình chỉ giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con; nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về chi phí định giá tài sản: Nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu ½ chi phí định giá tài sản theo quy định tại Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 56, 58, 59, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 440, 466 của Bộ luật dân sự; các điều 147, 165, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Võ Thị Kim Y được ly hôn với bị đơn Đỗ Trọng N.

2. Về nuôi con chung: Giao con Đỗ Thị Trà M, sinh ngày 09/5/2007 cho nguyên đơn Võ Thị Kim Y trực tiếp nuôi dưỡng; bị đơn Đỗ Trọng N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 (Tám trăm nghìn) đồng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 5/2019 cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân gia đình. Bị đơn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

#### 3. Về tài sản chung:

Giao cho bị đơn Đỗ Trọng N sở hữu nhà cấp bốn và các công trình phụ gồm 01 mái chái trụ bê tông, nền xi măng, mái lợp tôn; 01 bếp; 01 nhà tắm; 01 giếng; 01 chuồng bò; 01 trụ cổng và quyền sử dụng diện tích đất 697m<sup>2</sup> (trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở và 597m<sup>2</sup> đất hàng năm khác) thuộc thửa 1045, tờ bản đồ 108-A, đất có giới cận:

Đông giáp đất trồng rau muống của ông Võ Ngọc C;  
Tây giáp nghĩa địa và đường đi;

Nam giáp đất còn lại của ông Võ Ngọc C;  
Bắc giáp nghĩa địa và đường đi;

tọa lạc tại thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn Đỗ Trọng N có trách nhiệm thanh toán lại  $\frac{1}{2}$  giá trị chênh lệch tài sản chung cho nguyên đơn Võ Thị Kim Y số tiền 142.074.000 (Một trăm bốn mươi hai triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn) đồng.

Nguyên đơn không yêu cầu chia diện tích đất rừng 2.551m<sup>2</sup> thuộc thửa 230 tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại thôn M, xã H, huyện T mà để lại cho các con nên không giải quyết.

#### 4. Về nghĩa vụ trả nợ:

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, nguyên đơn Võ Thị Kim Y có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị Đ 3 chỉ vàng y loại 9999 trị giá 10.950.000 (Mười triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng (3.650.000 đồng/chỉ), trả cho bị đơn ông Đỗ Trọng N 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Bị đơn ông Đỗ Trọng N có trách nhiệm trả cho ông Đào Y (Vật liệu xây dựng C) số tiền 6.565.000 (Sáu triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Ngân hàng N yêu cầu nguyên đơn và bị đơn trả số tiền nợ 53.625.000 đồng.

5. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 7.104.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0010471 ngày 19/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa nên còn phải nộp 7.104.000 (Bảy triệu một trăm bốn nghìn) đồng.

Bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 7.103.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nên phải chịu 7.403.000 (Bảy triệu bốn trăm ba nghìn) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng N số tiền 1.340.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0010588 ngày 21/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa.

Hoàn lại cho bà Phan Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0010584 ngày 20/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa.

6. Về chi phí định giá tài sản: Chi phí định giá tài sản là 4.000.000 đồng. Nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu 2.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng 4.000.000 đồng nên bị đơn phải hoàn lại cho nguyên đơn 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- UBND xã H;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS huyện Tây Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Khánh Thoa**